

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày 06/5/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC- TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Phạm Thị Thu Kiều

- Bà Ngô Thị Kim Ngân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Nguyễn Trọng Thành,
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên

Ngày 06/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2020/TLST-DS ngày 15/10/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đ, phường Cửa N, quận H, thành phố Hà N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh N- Giám đốc Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Dung Q (Văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017)

Địa chỉ: 01 An D, phường Lê Hồng P, thành phố Q, tỉnh Quảng N.

Ông Lê Thanh Nghị ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hữu N (Văn bản ủy quyền số 18A/2021/QĐ-LPBDQ ngày 19/01/2021).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê V

Cùng địa chỉ: T 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/7/2020, các lời khai tại tòa án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 22/6/2018, bà Nguyễn Thị N được Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Dung Q- Phòng giao dịch Đ cấp tín dụng với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HĐTD 4032018322. Mục đích vay: Tiêu dùng – mua sắm đồ gia dụng; thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Kỳ hạn trả gốc: gốc trả trong 36 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 1 tháng, số tiền phải trả từ kỳ thứ 01 đến kỳ thứ 35 mỗi kỳ là 840.000 đồng, số tiền phải trả kỳ 36 là 600.0000 đồng, ngày trả vào ngày 20 hàng tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 14,1%/năm; kỳ hạn trả lãi: lãi trả hàng tháng, ngày trả vào ngày 20 hàng tháng; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 06/5/2021 bị đơn đã trả số tiền là 18.639.432 đồng, trong đó: nợ gốc đã trả 14.204.724 đồng, nợ lãi đã trả 4.434.708 đồng. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, ngân hàng TMCP B đã đôn đốc bà N thực hiện nghĩa vụ nhưng bà N vẫn chưa trả nợ cho ngân hàng.

Nay ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền tính đến ngày 06/5/2021 là 20.258.690 đồng; Trong đó, nợ gốc quá hạn là 14.355.264 đồng; nợ lãi là 2.028.003 đồng; lãi phạt gốc là 2.435.423 đồng; dư nợ trong hạn là 1.440.000 đồng. Kể từ ngày 07/5/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HĐTD 4032018322 ngày 22/6/2018.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự Thẩm phán, Thư ký tòa án, các Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn, đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền tính đến ngày 06/5/2021 là 20.258.690 đồng; Trong đó, nợ gốc quá hạn là 14.355.264 đồng; nợ lãi là 2.028.003 đồng; lãi phạt gốc là 2.435.423 đồng; dư nợ trong hạn là 1.440.000 đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử....) tuy nhiên bà Nương và ông Y không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà N và ông Y vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung

[2.1] Đối với hợp đồng tín dụng

Theo đơn khởi kiện của ngân hàng TMCP B thì ngày 22/6/2018, bà Nguyễn Thị N có ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ với ngân hàng TMCP B để vay số tiền 30.000.000 đồng. Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 18/6/2018 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện người đề nghị là bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn Y. Tuy nhiên, tại hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD 4032018322 ngày 22/6/2018 thì tại mục bên vay chỉ có chữ ký của bà Nguyễn Thị N. Do đó, chỉ có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị N là người vay tiền của ngân hàng TMCP B.

[2.2] Đối với yêu cầu trả nợ của nguyên đơn

Theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 4032018322 ngày 22/6/2018, bà Nguyễn Thị N có vay của ngân hàng TMCP B số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, kỳ hạn trả gốc là 36 kỳ, lãi suất là 14,1%/năm. Theo các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thì bà Nguyễn Thị N chỉ trả 17 kỳ nợ gốc, tương đương số tiền 14.204.732 đồng. Do bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ đúng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền tính đến ngày 06/5/2021 là 20.258.690 đồng; Trong đó, nợ gốc quá hạn là 14.355.264 đồng; nợ lãi là 2.028.003 đồng; lãi phạt gốc là 2.435.423 đồng; dư nợ trong hạn là 1.440.000 đồng.

Đồng thời ngân hàng yêu cầu kể từ ngày 07/5/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HĐTD 4032018322 ngày 22/6/2018. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn phù hợp tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về án phí

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng Việt số tiền 438.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $20.258.690 \times 5\% = 405.000$ đồng.

[2.4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 03 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Điều 147, khoản 02 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tiền là 20.258.690 đồng; Trong đó, nợ gốc quá hạn là 14.355.264 đồng; nợ lãi là 2.028.003 đồng; lãi phạt gốc là 2.435.423 đồng; dư nợ trong hạn là 1.440.000 đồng tính đến ngày 06/5/2021 và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD 4032018322 ngày 22/6/2018 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 438.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005803 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 405.000 đồng (*Bốn trăm lẻ năm nghìn đồng*).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/5/201). Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Vương